

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HS-ST

Ngày **22-9-2022**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Thắng. Nghề nghiệp: Cán bộ

Bà Lô Thị Huyền. Nghề nghiệp: Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Kh H N, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2005, tại huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Kh V Ch và con bà L Th L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 08/6/2022. Có mặt tại phiên tòa

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà L Th L, sinh năm 1983. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn Lý – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại:

+ Chị L Th D, sinh năm 1983. Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

+ Anh Ch V Tr, sinh năm 1987. Trú tại: Khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh L V V, sinh năm 2003. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Anh L V S, sinh ngày 22/10/2004. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của L V S: Anh L Th P, sinh năm 1984. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Chị Q Th Ng, sinh ngày 06/3/2005. Trú tại: Bản Thạch Dương, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của chị Q Th Ng: Bà L Th P, sinh năm 1974. Trú tại: Bản Th D, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Chị L Th D T, sinh ngày 04/12/2005. Trú tại: Bản X N, xã Y N, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp chị L Th D T: Bà V Th T, sinh năm 1975. Trú tại: Bản X N, xã Y N, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Chị V Th H Th, sinh ngày 06/3/2004. Trú tại: Bản Tr Th, xã Y Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Anh L M D, sinh ngày 01/10/2005. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của anh L M D: Anh L V Đ, sinh năm 1977. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Chị V Th B Th, sinh ngày 06/4/2006. Trú tại: Bản Đ, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của chị V Th B Th: Chị V Th H, sinh năm 1984. Trú tại: Bản Đ, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 25/5/2022 đến ngày 01/6/2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Kh H N đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản có nội dung, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 25/05/2022, Kh H N sang giúp việc nhà cho anh Ch V Tr (Là chủ trọ của N - Sinh năm 1987, trú tại khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D). Do biết anh Tr hay để tiền trong túi quần nên lợi dụng lúc anh Tr đi tắm, Kh H N đã lên vào phòng ngủ lấy trộm số tiền 7.800.000 đồng ở trong túi quần của anh Tr. Số tiền trộm được Kh H N đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 01/6/2022, Kh H N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đi bộ từ phòng trọ của mình, tại khối H N, thị trấn Th Gi đến nhà chị L Th D để trộm tiền của chị D. Khi gần đến nhà chị D, N thấy có nhiều người đang mua hàng nên đã đi lên sân trường cấp 3 để đợi. Đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, Nam quay lại nhà chị D thì thấy chị D đang ăn cơm ở quán bên cạnh nhà, nên Nam đã lên vào nhà, rồi vào trốn ở góc bếp nhà chị D. Khoảng

01 giờ sau, chị D vào nhà đi ngủ. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, chị D dậy dọn dẹp nhà thì N bỏ dép ở dưới bếp, rồi lên vào phòng ngủ của chị D, lấy trong túi xách treo trên móc gần cửa trong phòng ngủ của chị D số tiền 31.500.000 đồng. Lấy được tiền, N trốn qua phòng bên cạnh, một lúc sau chị D vào phòng để dọn dẹp thì phát hiện ra N đang trốn, nên N bỏ chạy xuống bờ kè thuộc thị trấn Th Gi và cởi quần áo bên ngoài vứt xuống sông (Quá trình bỏ chạy, N không đe dọa hay dùng vũ lực đối với chị D). Số tiền trộm được, N đã tiêu xài cá nhân hết 5.200.000 đồng và trả nợ cho L Th Tr 700.000 đồng, Q Th Ng 1.700.000 đồng, Ph Th H V 500.000 đồng, V Th H Th 600.000 đồng; V Th B Th số tiền 1.200.000 đồng, L Th D T số tiền 300.000 đồng, L V S số tiền 300.000 đồng, L M D 1.000.000 đồng hết tổng số tiền 6.300.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng, N cất giấu dưới hòn đá trong vườn nhà nghỉ H M thuộc địa phận xã Y H, huyện T D.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 02/6/2022 chị L Th D đã trình báo lên ban Công an thị trấn Th Gi, huyện T D. Ngày 06/6/2022, công an thị trấn Th Gi đã chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D theo thẩm quyền giải quyết.

Ngày 06/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D, triệu tập Kh H N đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra Kh H N còn khai nhận vào khoảng 12 giờ ngày 30/5/2022, N còn có hành vi lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C11, màu xanh của L V V, sinh năm 2003, trú tại bản Đ Y, xã Y H, huyện T D là người thuê trọ ở cạnh phòng trọ của N tại khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được một phần số tiền N chuyển khoản trả nợ cho bạn là 2.300.000 đồng cụ thể: Ngày 13/6/2022, L V S đã giao nộp lại số tiền 300.000 đồng; Q Th Ng giao nộp 1.700.000 đồng; L Th D T giao nộp 300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá TTHS huyện T D kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C11, màu xanh đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu của anh L V V có giá trị tại thời điểm mất trộm là 1.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 233/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 23/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Số tiền 22.300.000 (Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn) đồng gồm: 40 (Bốn mươi) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; 09 (Chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và 05 (Năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng gửi giám định là tiền thật.

Bản cáo trạng số 97/CT-VKS-TD ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố Kh H N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo: Kh H N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; xử lý vật chứng: Trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C11, màu xanh cho anh L V V; Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép màu đen, có sọc màu xám, nhãn hiệu TA, kích cỡ 41 thu giữ của bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội và đề nghị lượng hình ở mức thấp nhất như lời đề nghị của Kiểm sát viên.

Người bào chữa không có ý kiến tranh luận với bản luận tội và đề xuất Hội đồng xét xử xem xét đến việc nhận thức pháp luật của bị cáo đang còn hạn chế, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên lượng hình ở mức thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo cụ thể xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị hại chị L Th D đã nhận lại được số tiền 22.300.000 đồng từ Cơ quan điều tra và số tiền 9.200.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại từ anh Kh H N. Nên chị D không yêu cầu Kh H N bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Ch V Tr về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước Hội đồng xét xử vào phòng nghị án bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Kh H N đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/5/2022 đến ngày 01/6/2022, tại khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Kh H N đã 02 lần có hành vi lén lút trộm cắp tổng số tiền 39.300.000 đồng của anh Ch V Tr và chị L Th D để trả nợ và tiêu xài cá nhân (Trong đó của anh Ch V Tr 7.800.000 đồng và trộm cắp của chị L Th D 31.500.000 đồng). Hành vi bị cáo đã thực hiện, trị giá tài sản bị chiếm đoạt đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố bị cáo Kh H N theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân. Vì vậy cần lên mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Nam chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị L Th D và anh Ch V Tr không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 22.300.000 đồng và 01 túi xách da màu đen, khóa màu vàng, trên khóa có dòng chữ CHARLES & KEITH (Đã qua sử dụng) đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị L Th D.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, màu xanh (Đã qua sử dụng) thuộc sở hữu của anh Kha Văn Viện, đây là tài sản do bị cáo trộm cắp nên cần trả lại cho anh Viện là đúng với quy định của pháp luật.

- 01 đôi dép màu đen, có sọc màu xám, nhãn hiệu TA, kích cỡ 41 thu giữ của bị cáo không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

[8] Đối với hành vi lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C11, màu xanh của V nhưng trị giá chỉ là 1.000.000 đồng. Do hành vi này của Kh H N chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Công an huyện T D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Kh H N theo quy định của pháp luật; Đối với L V S, Q Th Ng, L Th D T, V Th H Th, L M D, V Th B Th là những người được Kh H N chuyển khoản trả nợ. Trong quá trình điều tra xác định những người này không biết số tiền N trả nợ do trộm cắp mà có nên không phạm tội; Đối với L Th Tr và Ph Th H V là những người được Kh H N chuyển khoản trả nợ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập, xác minh nhiều lần nhưng do những người này không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra sẽ xác minh làm rõ sau.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

- Tuyên bố bị cáo Kh H N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: **Kh H N 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo Kh H N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Kh H N cho chính quyền UBND xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành Cải tạo không giam giữ.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho anh Anh L V V, sinh năm 2003. Trú tại: Bản Đ Y, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11, màu xanh đã qua sử dụng;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép màu đen, có sọc màu xám, nhãn hiệu TA, kích cỡ 41.

(Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận số **110 ngày 18.8.2022** giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An)

- Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kh H N.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/9/2022. Các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS H. T D;
- Công an T D;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Người đại diện hợp pháp;
- UBND xã Y H;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái

